

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2021

V/v: B - H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với tHnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuyên và ông Nguyễn Văn Mười

Thư ký Tòa án ghi B bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2020/TLST - HNGĐ, ngày 15/12/2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1986 - có đơn xin xử vắng mặt

Trú Tại: Xóm B, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1983 - vắng mặt không lý do

Trú Tại: Xóm B, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, lời khai tại Tòa án chị Trần Thị B trình bày: Tôi và anh Hoàng Đức H kết hôn năm 2005, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Ngay sau khi cưới chúng tôi về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H, sau đó chồng tôi đi làm ăn xa, có phát sinh quan hệ với người phụ nữ khác. Tình cảm vợ chồng xa cách từ đó chúng tôi không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2019. Nay tôi xác định cuộc sống hôn nhân giữa tôi và anh H không thể kéo dài được, vợ chồng sống không còn tình cảm với nhau khiến mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Hải N, sinh ngày 24/4/2008, hiện cháu đang ở với bà nội vì bố cháu đi làm ăn xa, khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh H góp phí tôn nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận.

- Về nợ chung và các khoản cho vay: không có.

Tại phiên tòa chị B vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị B như đã nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Hoàng Đức H đến Tòa án để giải quyết việc chị B xin ly hôn anh nhưng anh H đều vắng mặt không lý do.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1962, trú tại Xóm B, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bà Quế là mẹ đẻ của anh Hoàng Đức H, bà Q cho biết:

Tôi là mẹ của anh Hoàng Đức H, có con dâu là chị Trần Thị B, anh H chị B kết hôn năm 2005, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, đăng ký kết hôn tại xã P. Anh H chị B chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng một năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, không tình cảm với nhau. Quá trình chung sống anh H, chị B có 01 con chung là Hoàng Hải N, sinh ngày 24/4/2008, hiện cháu đang ở với vợ chồng tôi từ khi bố mẹ cháu đi làm xa. Anh H, chị B từ khi lấy nhau đã được vợ chồng tôi cho đất làm nhà để ở riêng. Nếu anh H chị B ly hôn vợ chồng tôi và chị B thống nhất sẽ để lại tài sản là nhà đất này cho cháu nội là Hoàng Hải N.

Việc chị B có đơn xin ly hôn anh H tại Tòa án gia đình tôi đã được biết, Tòa án đã gọi mấy lần nhưng anh H không hợp tác lên làm việc vì vậy tôi đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh H làm nghề cơ khí, nhôm kính thường xuyên vắng nh, địa điểm làm việc không cố định nên hiện tại gia đình cũng không biết anh H đang làm ở đâu. Để giải quyết theo thủ tục của pháp luật, đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho tôi nhận hộ anh H, đề nghị không niêm yết tại UBND xã, nh văn hóa xóm vì gia đình tôi không muốn sự việc này ảnh hưởng tới gia đình. Tôi xin cam đoan sẽ giao cho anh H tất cả các văn bản mà Tòa án đã tổng đạt và truyền đạt mọi thông tin để anh H được biết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 BLTTDS; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua công bố công khai các bên tại phiên tòa tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: đối với bị đơn, anh Hoàng Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do dịch bệnh covid, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H và chị B.

[2]. Về nội dung: Chị Trần Thị B kết hôn với anh Hoàng Đức H kết hôn năm 2005 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị B xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó anh H đi làm ăn xa, có phát sinh quan hệ với người phụ nữ khác. Tình cảm vợ chồng xa cách từ đó không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2019, mẹ chồng chị B cũng xác định việc vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị B và anh H do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B, cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đức H là phù hợp.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Hải N, sinh ngày 24/4/2008. Quá trình giải quyết phía chị B có nguyện vọng được nuôi con, anh H vắng mặt tại Tòa án, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cháu N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị B xác định sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung. Phía anh H vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX không xem xét giải quyết về phần này.

Về án phí: chị B phải nộp án phí LHST theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị B, cho chị B được ly hôn anh Hoàng Đức H.

2. Về con chung: Giao cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hoàng Hải N, sinh ngày 24/4/2008 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí. Chị B phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách NH nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang - B lai số 0013680, ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị B, vắng mặt anh H. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HỒNG MÂY

